

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

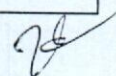
GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Quan hệ công chúng/ Bachelor of Public Relations
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Quan hệ công chúng/ Public Relations
Mã ngành/Code:	7320108
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	167/QĐ-ĐHKTQD ngày 02/03/2018 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Marketing



2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quan hệ Công chúng (PR) có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quan hệ Công chúng; có khả năng làm việc độc lập, thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Quan hệ Công chúng, có năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả / Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên; có năng lực về thể chất, tinh thần để thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và vị trí công việc đảm trách.
PO2	Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị kinh doanh, marketing; có kiến thức chuyên sâu về quan hệ công chúng.
PO3	PO3. Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp, đề xuất giải pháp cho các vấn đề quan hệ công chúng; thích ứng với toàn cầu hoá và CMCN4.0.
PO4	PO4. Có kiến thức và kỹ năng về CNTT để tìm kiếm và phân tích thông tin phục vụ ra các quyết định quan hệ công chúng.
PO5	PO5. Có khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ chuyên môn bằng tiếng Việt và tiếng Anh; có năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ, trở thành công dân toàn cầu.
PO6	PO6. Có năng lực làm việc độc lập; khả năng giao tiếp tốt; phối hợp làm việc nhóm, chịu được áp lực và thích ứng nhanh với những nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng quan hệ công chúng.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý, marketing và quan hệ công chúng vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được kiến thức CNTT, kiến thức phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng kiến thức chung của nhóm ngành báo chí và truyền thông để phối hợp chức năng quan hệ công chúng với các chức năng khác, hướng tới đạt mục tiêu của doanh nghiệp/tổ chức.
PLO1.5	Vận dụng kiến thức ngành quan hệ công chúng vào vào đề xuất giải pháp: nghiên cứu công chúng, lựa chọn công chúng mục tiêu, định vị; xây dựng chiến lược, kế hoạch quan hệ công chúng; thiết kế, cải tiến và phát triển chương trình truyền thông và quan hệ công chúng và những nội dung marketing khác cho doanh nghiệp/tổ chức.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Kết hợp kỹ thuật thu thập, phân tích dữ liệu (định tính, định lượng); sử dụng mô hình phân tích, diễn giải, khai thác dữ liệu về môi trường quan hệ công chúng, hành vi công chúng và doanh nghiệp/tổ chức; vận dụng vào việc ra quyết định quan hệ công chúng.
PLO2.4	Thành thạo kỹ năng giao tiếp: viết báo cáo, thuyết trình, trao đổi chuyên

	môn về quan hệ công chúng; có khả năng tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1.1	x					
PLO1.2	x	x				
PLO1.3				x		
PLO1.4		x	x			
PLO1.5		x	x			
PLO2.1				x		
PLO2.2					x	
PLO2.3			x	x		
PLO2.4					x	x
PLO3.1	x					x
PLO3.2			x			x
PLO3.3	x			x		x
PLO3.4	x					x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân Ngành Quan hệ Công chúng có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như: chuyên gia về quan hệ với các hệ thống truyền thông; cán bộ hoạch định chiến lược quan hệ công chúng; chuyên gia truyền

thông nội bộ và đối ngoại, chuyên gia về thông tin công cộng; chuyên viên gây quỹ và phát triển cộng đồng; có thể trở thành giám đốc truyền thông quan hệ công chúng, giảng viên Ngành Quan hệ Công chúng, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo về kinh tế-xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học cử nhân ngành Quan hệ công chúng có thể trở thành giảng viên về Quan hệ Công chúng/Marketing cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo về lĩnh vực kinh tế - xã hội.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	

2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quan hệ công chúng)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Tổng số tín chỉ			130		
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1 Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	1	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	2	
3	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	2	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	3	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	3	
6	6	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	1	
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC			
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP			
	1.2 Các học phần của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	1	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	1	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	1	

10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	2	
11	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	1-2-3	
1.3 Các học phần chung của lĩnh vực				12		
12	1	Báo chí hiện đại Modern Journalism	MKTT1147	3	5	MKTT1136
13	2	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	2	KHMI1101
14	3	Đại cương văn hóa Việt Nam Foundation of Vietnamese	NNTV1111	3	2	
15	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	2	KHMI1101
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				12		
16	1	Nguyên lý Quan hệ công chúng Principles of Public relations	MKTT1136	3	3	
17	2	Truyền thông Marketing tích hợp Integrated Marketing Communications	MKTT1102	3	4	
18	3	Đạo đức kinh doanh Business ethics	QTVH1107	3	4	
19	4	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	4	
2.2. Các học phần của ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				31		
20	1	Nghiên cứu Marketing Marketing Research	MKMA1109	3	3	MKMA1104
21	2	Hành vi người tiêu dùng Consumer Behavior	MKMA1101	3	4	MKMA1104
22	8	Quản trị Marketing Marketing management	MKMA1110	3	3	MKMA1104
23	3	Kế hoạch hoá Quan hệ Công chúng Public relations Planning	MKTT1130	3	5	MKTT1136
24	4	Quản trị khủng hoảng Crisis Management	MKTT1140	3	6	MKTT1136

25	5	Quản trị thương hiệu Brand Management	MKTT1114	3	6	MKMA1104
26	6	Kỹ năng viết trong Quan hệ công chúng Writing Skills for Public Relations	MKTT1132	3	7	MKTT1136
27	7	Tổ chức sự kiện Event Planning	MKTT1155	3	5	MKTT1136
28	9	Quản trị doanh nghiệp truyền thông Agency Management	MKTT1110	3	4	MKTT1136
29	10	Chuyên đề thực tế ngành Quan hệ Công chúng Project on Public Relations Major	MKTT1160	4	6	MKTT1136
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)		30		
30	1	Kế hoạch hóa phương tiện truyền thông Advertising Media Planning	MKTT1158	3	5	MKTT1102
	2	Tiếng Anh ngành Quan hệ công chúng English for PR Major	MKTT1143	3	7	MKTT1136
	3	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3	7	MKMA1104
	4	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	3	
31						
32	5	Chiến lược sáng tạo trong truyền thông Creative Strategy in Communication	MKTT1148	3	7	MKTT1102
33	6	Diễn thuyết trước Công chúng Public Speaking	MKTT1150	3	7	MKTT1136
34	7	Quản trị tài trợ Sponsorship Management	MKTT1154	3	6	MKTT1136
35	8	Marketing xã hội Social Marketing	MKMA1159	3	4	MKMA1104
36	9	Marketing dịch vụ công Public service Marketing	MKMA1157	3	4	MKMA1104
37	10	Hệ thống nhận diện Thương hiệu Designing Brand Identity	MKTT1151	3	5	
38	11	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management	MKBH1109	3	5	MKMA1104
39	12	Tài chính doanh nghiệp Corporate finance	NHTC1120	3	3	
	13	Định giá Thương hiệu Brand Valuation	MKDG1115	3	5	MKMA1104
	14	Xúc tiến bán	MKTT1145	3	6	MKMA1104

		Sales Promotion				
	15	Quản trị quảng cáo Advertising Management	MKTT1112	3	5	
40		2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	MKTT1125	10	8	
		Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)		130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: Lý thuyết, thảo luận và tình huống.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống.

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp...dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

Được xây dựng và phát triển dựa trên tham khảo từ các chương trình của Đại học Leeds Beckett, Vương quốc Anh; Đại học RMIT, Úc; Đại học Boston, Hoa Kỳ; Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH QGHN.

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực kinh doanh, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Quan hệ công chúng và Marketing, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên;
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý), phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Quan hệ công chúng và Marketing, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

TRƯỜNG KHOA

PGS.TS Vũ Huy Thông

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023



GS.TS Phạm Hồng Chương